

## 6. DẠY HỌC TIẾNG VIỆT 1 CHO HỌC SINH CÓ KHÓ KHĂN VỀ ĐỌC<sup>2</sup>

### 6.1. Một vài điểm khái quát

Dạy học cho HS có khó khăn về học nói chung và cho HS có khó khăn về đọc nói riêng học hoà nhập ở trường tiểu học với HS đại trà vẫn cần sử dụng *Chương trình giáo dục cá nhân* (Individualized Education Program, IEP) được xây dựng và lựa chọn để khắc phục những khó khăn về đọc cho trẻ.

Bước đầu tiên trong việc phát triển IEP là trao đổi với trường mà trẻ đang theo học để có thể có sự phối hợp can thiệp trị liệu giữa GV dạy trẻ bình thường, GV giáo dục đặc biệt với gia đình, bác sĩ của trẻ. Trẻ tham gia vào IEP sẽ được ban điều hành IEP phân tích cụ thể những khó khăn mà trẻ gặp phải, trên cơ sở đó họ xây dựng IEP cho trẻ với mục tiêu, nội dung, quy trình kèm các hình thức, cách thức tác động phù hợp nhất mà họ có thể tiến hành; quá trình phối hợp can thiệp trị liệu sẽ được đánh giá theo từng năm.

Các liệu pháp tâm lí như tạo tâm thế cho trẻ tin tưởng rằng trẻ có khả năng học tập như những bạn bè của trẻ; khuyến khích, khen ngợi động viên trẻ giữ vai trò quan trọng trong suốt quá trình trị liệu; giúp trẻ nhận ra rằng việc học đọc và viết chỉ là một cách học tập phản xạ,... cần phải luôn luôn được nhắc nhở, được chú trọng khi thực hiện các bài tập thực hành cho trẻ.

Kiểm tra đánh giá trẻ có khó khăn về đọc cũng được tổ chức theo dạng “chuyên biệt hoá”. Chẳng hạn có thể kiểm tra khả năng của trẻ không bằng cách tập trung vào chính tả mà tập trung vào kiểm tra khả năng tư duy và lập luận của trẻ. Trẻ cũng cần được thụ hưởng sự hỗ trợ đặc biệt cùng dịch vụ kiểm tra có sẵn trong hầu hết các trường học. Thêm

<sup>1</sup> Tham khảo các tài liệu sau:

1. Bộ GD & ĐT (2006), *Phương pháp dạy Tiếng Việt cho HSĐT cấp Tiểu học*, Dự án phát triển GV Tiểu học, NXB Giáo dục, HN.
2. Mông Ký Slay (2001), *Nội dung và hình thức tổ chức dạy học ở vùng dân tộc*, NXB ĐH Quốc gia HN, HN.
3. Nguyễn Thị Ly Kha và các tác giả khác (2019), *Dạy học âm vần tiếng Việt cho HS dân tộc Ê-đê tại Tây Nguyên*, mã số B2016-19-01, Trường ĐHSP.TP.HCM.

<sup>2</sup> Do giới hạn của SGK, ở tài liệu này, chúng tôi chỉ có thể dừng ở việc giới thiệu những nét khái quát nhất, bạn đọc quan tâm có thể tìm hiểu thêm ở Nguyễn Thị Ly Kha và các tác giả khác (2015), *Nghiên cứu, xây dựng hệ thống bài tập thực hành trị liệu cho học sinh lớp 1 ở Thành phố Hồ Chí Minh bị chứng khó đọc*, Mã số: B.2012.19.06, Trường ĐHSP.TP.HCM.

thời gian cho trẻ khi thi, cho phép ghi lại các bài học, bài thi in lớn,... là những công cụ, cách thức hỗ trợ giúp trẻ hoàn thành bài thi.

## 6.2. Phương pháp đa giác quan

### a. Khái niệm, vai trò

Phương pháp đa giác quan là cách thức dạy học khai thác đồng thời và triệt để các giác quan trong dạy học.

Phương pháp được sử dụng chủ yếu trong dạy học cho HS có khó khăn về học nói chung và HS khó đọc nói riêng là phương pháp đa giác quan (PPĐGQ). Tuy nhiên, PPĐGQ cần kết hợp với các phương pháp khác để mở rộng vốn từ (MRVT), tăng cường luyện đọc, tăng cường đánh vần, tăng cường đọc hiểu và đọc trơn, sử dụng bài tập chuyên biệt, kết hợp dạy đọc và chính tả. Có thể nói, trong quy trình thực hiện và hình thức tổ chức của PPĐGQ cũng bao hàm nội dung và đặc điểm của các phương pháp dạy học ở tiểu học. PPĐGQ không chỉ hữu ích đối với HS có khó khăn về đọc mà còn có tác dụng tích cực đối với HS đại trà và HS dân tộc ít người học *Tiếng Việt 1*. PPĐGQ kích thích hứng thú học tập dựa trên nhiều cấp độ khác nhau. Người học được khuyến khích sử dụng một số hoặc tất cả các giác quan trong quá trình học tập: thính giác, thị giác, xúc giác/ vận động. Đó là sự kết nối chặt chẽ giữa hình ảnh được tiếp nhận từ thị giác, âm thanh được tiếp thu từ thính giác và cảm giác có được khi xuất hiện sự chuyển động – những điều này giúp HS cải thiện khả năng tìm hiểu, ghi nhớ thông tin cần thiết.

Nội dung giảng dạy áp dụng PPĐGQ nhấn mạnh các nguyên tắc cơ bản của chữ cái, thanh điệu ở giai đoạn đầu của quá trình phát triển kỹ năng đọc; khai thác triệt để những kiến thức thực tiễn của HS để tích hợp với nội dung giảng dạy của GV dựa trên mối liên quan giữa đọc, viết và chính tả. Từ đó, HS hiểu được lí do mình đang học tập là gì và phát huy những sở trường, hạn chế dần những khuyết điểm tạm thời.

Những ưu điểm dễ dàng nhận thấy của PPĐGQ là: (1) Nội dung dạy học được thực hiện toàn diện, giúp HS kiểm soát và duy trì khả năng ngôn ngữ; (2) Nội dung bài học được xây dựng và sắp xếp rõ ràng, có cấu trúc giúp HS hệ thống được kiến thức; (3) Nội dung học tập được mô tả rõ ràng, trực tiếp và theo trình tự.

Tuy vậy, bên cạnh những hiệu quả tốt, phương pháp này vẫn còn tồn tại hạn chế riêng trong quá trình tổ chức và thực hiện. GV cần được huấn luyện tập trung để xây dựng những bài học cụ thể và phù hợp cho người học, trong khi đó điều kiện về môi trường giáo dục và tài liệu huấn luyện chưa đủ để đáp ứng.

Cũng cần nói thêm là những hoạt động dạy học áp dụng PPĐGQ được thể hiện bằng nhiều phương thức khác nhau. Đó không phải là những bài tập hoặc trò chơi cố định mà linh hoạt thay đổi tùy theo mức độ và khả năng tiếp nhận của người học.



*b. Đặc điểm hoạt động của các giác quan với hoạt động học tập*

b1. Thị giác: Tầm nhìn là một yếu tố cơ bản trong quá trình học tập. Khi tầm nhìn gặp vấn đề (HS chỉ có thể nhận diện được một phần của sự vật mà không thể bao quát nó, HS có sự nhìn nhận lệch lạc,...) sẽ có ảnh hưởng rất lớn đến việc học tập.

b2. Thính giác: Cảm giác nghe phản ánh những thuộc tính của âm thanh có vai trò rất quan trọng đối với đời sống con người, đặc biệt trong việc hiểu và sử dụng ngôn ngữ hiệu quả. Những khó khăn trong học tập mà HS có khó khăn về đọc có thể có liên quan đến nhận diện và xử lí âm thanh.

b3. Xúc giác là giác quan mà HS ít được chú ý kích thích trong quá trình học tập nhưng lại là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến khả năng đọc – viết của HS. Học tập ngôn ngữ là một hoạt động trừu tượng, đặc biệt khó khăn với HS khó học.

*c. Một số phương pháp đa giác quan*

c1. Phương pháp Orton – Gillingham (The Orton – Gillingham Multisensory Approach): đây là một PPDH nhằm mục đích chủ yếu để sử dụng với những người gặp khó khăn trong việc đọc, đánh vần; luôn tập trung vào nhu cầu học tập của cá nhân HS. phương pháp này thường được kết hợp với hình thức giảng dạy “1 GV – 1 HS”.

c2. Phương pháp Slingerland (The Slingerland Multisensory Approach) nhằm mục đích giúp HS có khó khăn về đọc cải thiện khả năng phát âm, đánh vần, đọc, viết... Ưu điểm của phương pháp này là tính linh hoạt phù hợp với từng môi trường giáo dục khác nhau.

c3. Phương pháp Spalding (The Spalding Method) thực hiện dựa trên nguyên tắc xem HS là trung tâm; thể chất và tinh thần học tập là mối quan tâm hàng đầu. Phương pháp này tích hợp các yếu tố ngôn ngữ như nghe, nói, viết, chính tả và đọc trong suốt quá trình dạy học.

c4. Phương pháp Herman (The Herman Approach): Chương trình giảng dạy theo phương pháp này gồm những nội dung rèn luyện các kĩ năng như mã hoá và giải mã, kĩ năng nhìn nhận vần đề, kĩ năng phân tích cấu trúc, sử dụng từ điển, giải mã các kí hiệu của dấu phụ,...

c5. Phương pháp Wilson (The Wilson Reading System) chú ý đặc biệt tới việc giảng dạy những chiến lược dành cho việc rèn kĩ năng đọc và chính tả. Tuy nhiên, ở giai đoạn đầu của chương trình, nội dung bài học tập trung phát triển ngôn ngữ và những kĩ thuật dùng hình ảnh hướng dẫn đọc hiểu được sử dụng chủ yếu.

c6. Phương pháp Lindamood – Bell (The Lindamood – Bell Approach) thành công trong việc kích thích phát triển khả năng của HS có khó khăn về đọc liên quan đến nhận thức âm vị.

d. Bảng thống kê việc sử dụng phương pháp đa giác quan cho nội dung âm/ biểu tượng và âm tiết

Nội dung	Thị giác	Thính giác	Xúc giác và vận động
Hệ thống âm và biểu tượng	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Quan sát miệng của GV khi phát âm.</li> <li>– Quan sát các chữ cái.</li> <li>– Phân biệt các chữ cái.</li> <li>– Quan sát thẻ có chứa chữ cái hoặc hình ảnh minh họa.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nghe những âm thanh và xác định biểu tượng tương ứng.</li> <li>– Nói từ khoá và âm thanh.</li> <li>– Phân biệt âm thanh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Cảm nhận sự chuyển động của bộ máy phát âm (môi/miệng).</li> <li>– Dùng đầu ngón tay lần theo nét của chữ cái.</li> <li>– Viết lên không khí.</li> <li>– Dùng đầu ngón tay viết và cảm nhận chữ cái trên bề mặt nhám/ chất liệu có thể để lại dấu vết.</li> </ul>
Âm tiết	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Quan sát miệng của GV khi phát âm.</li> <li>– Nhìn vào từ để xác định số lượng các âm tiết.</li> <li>– Nhìn vào từ để xác định cách phát âm nguyên âm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nghe âm tiết trong lời nói.</li> <li>– Xác định và phân biệt số âm tiết trong lời nói.</li> <li>– Phân đoạn từ thành âm tiết.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Cảm nhận sự chuyển động của bộ máy phát âm (môi/miệng).</li> <li>– Cảm nhận các kí tự của từ bằng đầu ngón tay.</li> <li>– Phân đoạn từ thành âm vị và cảm nhận âm vị đó bằng xúc giác.</li> </ul>

### 6.3. Biên soạn bài tập

Các kiểu bài tập hỗ trợ HS có khó khăn về đọc phải có sự tích hợp về nội dung, phương pháp; bài tập thuần túy về đọc thì ít hiệu quả hơn so với kiểu bài tập có kết hợp với viết, việc trình bày chữ viết kèm theo hình ảnh sẽ có hiệu quả tốt hơn. Hỗ trợ HS có khó khăn về đọc cần sử dụng tất cả những biện pháp giáo dục nhằm mục đích nâng cao khả năng đọc. HS có khó khăn về đọc cần được phát hiện sớm để nhận được những biện pháp can thiệp, phương pháp trị liệu phù hợp và kịp thời. Sự kết hợp các phương pháp giáo dục là cách hiệu quả nhất để dạy HS có khó khăn về đọc.

#### a. Phương châm

- Tích hợp các nội dung nhận thức âm vị, chính tả và viết, đọc lưu loát và đọc hiểu.
- Thông qua hình thức bài luyện đọc, bài tập điền khuyết, nói, bài tập chính tả,...
- Kế thừa và gắn bó chặt chẽ với từng đơn vị kiến thức HS được học trong chương trình.



*b. Căn cứ biên soạn*

b1. Căn cứ nội dung học tập theo chương trình

- Chương trình học tập bộ môn Tiếng Việt ở lớp 1,
- SGK, SGV, VBT, tài liệu tham khảo, sách hỗ trợ học buổi hai,
- Các văn bản quy định chuẩn kiến thức kỹ năng,
- Các văn bản hướng dẫn kiểm tra đánh giá.

b2. Căn cứ thực trạng lỗi đọc, khó khăn về đọc.

*c. Cách thức biên soạn*

- Biên soạn bài đọc
- Biên soạn bài tập.

Các bài có lượng chữ tương đương với lượng chữ của bài học trong SGK và hướng tới mục đích đọc lưu loát, đọc hiểu, hệ thống hoá vốn từ và tích cực hoá vốn từ bằng hệ thống từ ngữ trong bài đọc cùng hệ thống câu hỏi tìm hiểu bài đọc và cách gọi mở theo nội dung bài.

Giai đoạn đầu học kì I, các bài có âm vần đơn giản, mang màu sắc đồng dao, số lượng chữ – tiếng trong khoảng 20 – 25.

Giai đoạn giữa học kì I về sau: các bài luyện đọc được viết theo dạng truyện đồng thoại, số lượng chữ tăng dần từ 30 – 50 – 60 chữ/ bài đọc.

Bài đọc, viết có dung lượng tương đương với bài tập HS được học ở tuần tương ứng hoặc trước đó một, hai tuần.

*d. Một số kiểu loại bài tập*

d1. Nhóm bài tập nhận thức âm vị

Gồm 5 kiểu sau:

- (1) Nhận biết âm vị – tự vị (trong hệ thống các âm vị – tự vị được học);
- (2) Nhận ra một âm vị cho trước trong một tiếng – từ đã cho;
- (3) Phân tách âm vị (tách âm, vần từ tiếng);
- (4) Kết hợp âm vị (ghép âm, vần để tạo tiếng);
- (5) Thay thế âm vị để biểu đạt một tiếng – từ mới.

Chú ý tập trung vào những âm vị – tự vị dễ nhầm lẫn do đặc điểm của học sinh có khó khăn về đọc như *b - d - p - q, a - ă - â, e - ê, o - ô - ơ, u - n - u, d - đ*. Ngoài ra, dựa vào lỗi sai của HS, loại bài tập này còn có nội dung khắc phục lỗi sai do lẫn lộn trật tự chữ cái trong tiếng (chủ yếu là phần vần), nhận diện phụ âm được viết bằng 2 – 3 chữ cái (như *nh, ch, tr, ngh*), phân biệt *dấu sắc – dấu huyền*. Ở nội dung phân tách âm vị, HS được thực hành trên tiếng có nghĩa và tiếng không mang nghĩa (tiếng rỗng). Việc phân tách âm vị từ những tiếng rỗng giúp HS rèn luyện được khả năng phân tách âm vị mà không

bị ảnh hưởng bởi sự quen thuộc do nghĩa mang lại (nội dung này thường thực hiện ở các bài kiểm tra).

#### d2. Nhóm bài tập nhận thức âm thanh

Chữ viết tiếng Việt hiện đại thuộc loại hình chữ viết ghi âm âm vị. Về cơ bản đọc như thế nào viết như thế ấy, trừ trường hợp ghi âm /z/. Vì vậy bài tập nhận thức âm thanh giúp HS nhận ra mối quan hệ giữa âm và chữ và ngược lại có mối quan hệ quan trọng đặc biệt.

Với HS lớp 1 có khó khăn về đọc, phương pháp thực hiện những bài tập nhận thức âm thanh được xây dựng dựa vào tiêu chí đánh giá PPDH âm vần – liên hệ giữa âm và chữ:

- (1) Nắm phương pháp phân tích âm vần khó một cách rõ ràng;
- (2) Có phương pháp dạy học rõ ràng trong việc đọc từ với những trường hợp chính tả có quy tắc (các âm /k, γ, η/ và bất quy tắc /z/);
- (3) Tạo cơ hội lặp lại cho HS đọc từ trong nhiều ngữ cảnh và khi đó HS có thể vận dụng kĩ năng âm vần ở mức độ cao;
- (4) Thực hiện dạy kĩ năng đọc và viết một cách rõ ràng;
- (5) Tích hợp phát âm với việc củng cố âm vần và phân tích từ.

#### d3. Nhóm bài tập nhận thức chính tả và viết

- (1) Nhóm bài tập kết hợp các chữ cái để tạo nên tiếng – từ mới
  - (2) Nhóm bài tập phân biệt dấu thanh
  - (3) Nhóm bài tập phân biệt phụ âm đầu
  - (4) Nhóm bài tập phân biệt vần
  - (5) Nhóm bài tập sử dụng tiếng để tạo nên từ, cụm từ hoặc câu đơn giản
- Các bài tập được rèn luyện theo hướng:*
- (a) Dạy từ thường gặp;
  - (b) Chọn những trường hợp chính tả có quy tắc và bất quy tắc thường được sử dụng trong bài đọc và phù hợp với HS lớp 1;
  - (c) Dạy quy tắc chính tả trước khi hiện tượng chính tả xuất hiện trong bài đọc;
  - (d) Thực hành và ôn tập tổng hợp theo tần số xuất hiện.

#### d4. Nhóm bài tập đọc lưu loát

Các bài tập đọc lưu loát được xây dựng theo giai đoạn học âm, vần tương ứng. Bài đọc phải đáp ứng yêu cầu âm vần cần luyện phải được xuất hiện nhiều lần trong những chu cảnh khác nhau, và chủ yếu viết dưới dạng truyện kể. Mặt khác, bài tập đọc lưu loát được thực hiện trong sự phối hợp chặt chẽ với bài tập đọc hiểu và bài tập mở rộng vốn từ. Ngoài ra, bài tập đọc lưu loát cũng chú ý kết hợp với bài tập nhận thức âm vị, nhận thức âm thanh, nhận thức chính tả và viết; ở nhóm tích hợp này sẽ ưu tiên những trường hợp HS thường gặp khó khăn như đảo chữ, nhầm lẫn kiểu dáng chữ, bỏ chữ,...



Việc sử dụng tiếng rỗng (tiếng đọc được nhưng không có nghĩa, VD: *hịm, khoẽm*) để kiểm tra việc đọc lưu loát sau mỗi đợt hỗ trợ cho những HS này cũng được đặc biệt chú ý.

Các trò chơi hỗ trợ sẽ được xây dựng dựa theo nội dung bài đọc và hình thức, quy trình tổ chức dạy học.

d5. Nhóm bài tập mở rộng vốn từ

(1) Nhóm bài tập chính xác hoá vốn từ

(2) Nhóm bài tập hệ thống hoá vốn từ

(3) Nhóm bài tập tích cực hoá vốn từ.

d6. Nhóm bài tập đọc hiểu

Đọc hiểu là việc hiểu nghĩa bài đọc, biết suy luận đơn giản và phân tích được các ý trong bài đọc. Dạy đọc hiểu được thực hiện trong phần giới thiệu và phát triển bài. Phương pháp dạy đọc hiểu hiệu quả được xác định dựa trên các yếu tố sau:

(1) Đa dạng phương pháp dạy học;

(2) Dành nhiều thời gian hướng dẫn HS tư duy sáng tạo;

(3) Sự tham gia tích cực của HS;

(4) Tập trung vào dạy thay vì chỉ đề nhắc đến và đánh giá.

*Phản phát triển bài:*

(1) GV đọc mẫu và tóm tắt bài đọc (đặt các câu hỏi để ôn lại nội dung vừa đọc);

(2) HS thực hành đọc (Luyện tập hiểu nghĩa ở cấp độ từ và câu; Giải thích ý nghĩa của một từ; Đặt các câu hỏi về một câu; Tìm từ mới trong bài; Luyện tập hiểu nghĩa ở cấp độ đoạn văn; Đặt các câu hỏi về một đoạn văn, văn bản).

*Đọc hiểu ở cấp độ từ ngữ:* ở cấp độ này, HS sẽ được hướng dẫn tìm từ mà các em gặp khó khăn. HS nêu các từ HS không hiểu, GV giải thích. Mặt khác, GV sẽ chốt những từ quan trọng của bài đọc và giải thích cho HS.

*Đọc hiểu ở cấp độ câu:* ở cấp độ này, HS sẽ được hướng dẫn tìm câu có tính chất mở đoạn hoặc kết đoạn. GV hướng dẫn HS dùng bút chì đánh dấu những cụm có nghĩa để hướng dẫn đọc và nắm nghĩa.

*Đọc hiểu ở cấp độ đoạn bài:* GV đọc toàn bài đọc cùng HS → Đọc đoạn 1 của bài đọc → Đặt 1 – 2 câu hỏi về đoạn này. (Nếu HS không thể trả lời, đọc lại cho HS chậm hơn, sau đó hỏi lại các câu hỏi để xem HS có hiểu hay không → Tiếp tục thực hiện cho những đoạn còn lại. Sau khi đọc từng đoạn của bài đọc, GV cùng với HS đọc toàn bộ bài đọc lần nữa → Đặt câu hỏi về ý chính của toàn bài đọc. Trong quá trình hướng dẫn đọc

cần chú ý tới những lỗi mà HS lớp 1 có khó khăn về đọc thường vấp phải, như bỏ từ, bỏ hàng, đảo chữ,...<sup>1</sup>